

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày 26/01/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Năng Long.

Ông Nguyễn Thế Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên toà: Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án A trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Tuấn S** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 24 tháng 8 năm 1999, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú trước khi bị bắt: Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1976; bị cáo có vợ tên là Lê Thị Ánh T, sinh năm 2002 và người 01 con, sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2023 cho đến nay vẫn đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C (Có mặt).

- Người bị hại:

+ Ông Lê Tiến L, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Dương Mạnh L1, sinh 1992. Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+ Ông Dương Thành T2, sinh 1995. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+ Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Đậu Việt A, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên Trần Tuấn S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô và tiền của vợ chồng anh Lê Tiến L và chị Nguyễn Thị T1. Vì vậy, khoảng 09 giờ 30 phút ngày 23/12/2022, S đến nhà gặp vợ chồng anh L nói dối là mượn xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 61C-200.95 của gia đình anh L để đi chở hàng ở tỉnh Lâm Đồng và mượn 2.000.000 đồng của chị T1 để đổ dầu (*thực tế không có sự việc S mượn xe để đi chở hàng*) và hẹn đến chiều ngày 24/12/2022 sẽ trả lại xe và tiền, thì vợ chồng anh L đồng ý. Sau khi nhận được xe ô tô cùng giấy chứng nhận kiểm định xe, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và số tiền 2.000.000 đồng, S điều khiển xe ô tô đến tiệm sửa xe “Út” tại thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để cầm cố. Trên đường đi, S gọi điện nhờ anh Đậu Việt A đến tiệm sửa xe “Út” để chờ S về. Tại tiệm sửa xe “Út”, S nói với anh Dương Mạnh L1 (*chủ tiệm*) là S muốn cầm cố xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-200.95 thì anh L1 đồng ý và nói với S “*Nếu cầm thì 70.000.000 đồng còn bán luôn thì 80.000.000 đồng*”. Sau đó, S nói “*Em chỉ cầm thôi*” thì anh L1 đồng ý và chuyển 32.000.000 đồng vào số tài khoản 5229205230818 mang tên chị Lê Thị Ánh T (*sinh năm 2002, là vợ của S*) tại ngân hàng A1 (*số tài khoản này mang tên chị T, nhưng do S quản lý, sử dụng*) và đưa cho S số tiền mặt 38.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ 70.000.000 đồng, S giao xe cùng giấy chứng nhận kiểm định xe và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho L1 (*việc thỏa thuận chỉ bằng miệng chứ không lập thành văn bản*) rồi nhờ anh Đậu Việt A chở về. Sau đó, S đã mang tiền đi tiêu xài cá nhân mà không chuộc xe trả lại cho vợ chồng anh L. Còn đối với Dương Mạnh L1 sau một thời gian cầm cố xe ô tô cho Trần Tuấn S thì không thấy S đến chuộc lại nên L1 đã bán chiếc xe này cho Dương Thành T2 (*sinh năm 1995 là em trai của L1*) và một người đàn ông tên Q1 là người quen của T2 ở thành phố Hồ Chí Minh (*chưa xác định được nhân thân, lý lịch và địa chỉ cụ thể*) với giá 75.000.000 đồng. Sau một thời gian sử dụng thì T2 và Q1 đã bán chiếc xe này cho một người đàn ông ở thành phố Hồ Chí Minh (*chưa xác định được nhân thân, lý lịch*). Đến ngày 07/3/2023, anh Lê Tiến L đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của S.

* Tại Kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: “*Giá trị còn lại của*

xe ô tô biển kiểm soát 61C-200.95, nhãn hiệu KIA, số loại K3000S thời điểm định giá ngày 23/12/2022 là 90.000.000 đồng”

+ Về vật chứng vụ án:

- Ngày 18/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tạm giữ của chị Nguyễn Thị T1 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, số máy: MNR72LL/A, số S: F2MST4HSHG02, bên trong chứa file ghi âm “Quốc lộ B” ngày 13/01/2023, dung lượng 2,3MB, thời lượng 04 phút 36 giây. Điện thoại không có thẻ sim để phục vụ công tác giám định.

- Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 61C-200.95 cùng giấy chứng nhận kiểm định xe và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thì Dương Mạnh L1 đã bán xe và giao các giấy này cho Dương Thành T2 và người đàn ông tên Q1 ở thành phố Hồ Chí Minh (*chưa xác định được nhân thân, lý lịch*). Sau đó 02 người này đã bán lại cho một người đàn ông (*chưa xác định được nhân thân, lý lịch*) tại thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ và tiến hành truy tìm nhưng đến nay vẫn chưa thu giữ được.

*** Về phần trách nhiệm dân sự:** Bị hại ông Lê Tiến L và bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu Trần Tuấn S phải bồi thường thiệt hại mất thu nhập do không có xe để chở hàng là 144.000.000 đồng và 2.000.000 đồng bị cáo S mượn. Tổng số tiền là 146.000.000 đồng nhưng cho đến nay bị cáo chưa bồi thường được số tiền nào. Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 61C-200.95 thì ông L và bà T1 yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục truy tìm để trả lại cho ông L và bà T1. Nếu không truy tìm được thì ông L và bà T1 sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự để yêu cầu bị cáo S bồi thường thiệt hại mà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Cáo trạng số 01/CT-VKS-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố bị cáo Trần Tuấn S về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Tuấn S phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 13/7/2023).

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Trần Tuấn S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Lê Tiến L và bà Nguyễn Thị T1 số tiền 74.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

+ Về vật chứng vụ án là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 61C-200.95 cùng giấy chứng nhận kiểm định xe và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do chưa truy tìm được nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và không oan sai. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho người bị hại 146.000.000 đồng gồm: tiền mất thu nhập do không có xe để chở hàng là 144.000.000 đồng và 2.000.000 đồng mà bị cáo mượn.

Tại phiên tòa bị hại ông Lê Tiến L và bà Nguyễn Thị T1 đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và giữ nguyên mức yêu cầu bồi thường bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức xem thường pháp luật, tham lam tư lợi cá nhân nên khoảng 09 giờ 30 phút ngày 23/12/2022 Trần Tuấn S đã đến nhà gặp vợ chồng ông L nói dối là mượn xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 61C-200.95 (xe có giá trị 90.000.000 đồng) của gia đình anh L để đi chở hàng ở tỉnh Lâm Đồng và mượn 2.000.000 đồng của chị T1 để đổ dầu (thực tế không có sự việc S mượn xe để đi chở hàng) và hẹn đến chiều ngày 24/12/2022 sẽ trả lại xe nhưng sau khi nhận được xe S điều khiển xe ô tô đến tiệm sửa xe “Út” tại thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cầm cố cho ông Dương Mạnh L1 để lấy số tiền 70.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết số tiền này. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố bị cáo Trần Tuấn S về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.”

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một trong những quyền cơ bản được pháp luật hình sự Nhà nước ta bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử phạt. Nhưng do động cơ vụ lợi, coi thường pháp luật và xem nhẹ quyền sở hữu tài sản của người khác nên bị cáo vẫn vi phạm. Vì vậy, cần có hình phạt thích đáng và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và có thời gian phục vụ trong quân đội; tại phiên tòa được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Ngày 18/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tạm giữ của chị Nguyễn Thị T1 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, số máy: MNR72LL/A, số S: F2MST4HSHG02, bên trong chứa file ghi âm “Quốc lộ B” ngày 13/01/2023, dung lượng 2,3MB, thời lượng 04 phút 36 giây. Điện thoại không có thẻ sim để phục vụ công tác giám định, giải quyết hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Dương Mạnh L1 nên sẽ được xử lý ở vụ án khác.

- Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 61C-200.95 cùng giấy chứng nhận kiểm định xe và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C vẫn chưa thu giữ được nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Tiến L và bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu Trần Tuấn S phải bồi thường thiệt hại mất thu nhập do không có xe để chở hàng là 144.000.000 đồng và 2.000.000 đồng bị cáo S mượn. Tổng cộng 146.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo Trần Tuấn S đồng ý với các khoản yêu cầu của người bị hại nên cần chấp nhận. Đối chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 61C-200.95 do ông L và bà T1 không yêu cầu giải quyết nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đơn khởi kiện của ông L và bà T1.

[8] Đối với Dương Mạnh L1 là người đã có hành vi cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 61C-000.95 cho bị cáo Trần Tuấn S với số tiền 70.000.000 đồng, quá trình điều tra vẫn chưa có đủ căn cứ để xác định hành vi của Dương Mạnh L1 có cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” hay không để xử lý theo quy định của pháp luật, nhưng thời hạn tạm giam đối với bị cáo Trần Tuấn S đã hết và không thể gia hạn được nữa. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã có Quyết định tách vụ án hình sự và tách hành vi của Dương Mạnh L1 để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật, tránh trường hợp bỏ lọt tội phạm và người phạm tội là có căn cứ. Đối với hành vi mua xe ô tô của Dương Thành T2, người đàn ông tên Q1 và người đàn ông mua xe do T2 và Q1 bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với bà Lê Thị Ánh T, thì quá trình điều tra xác định được việc S lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô và tiền của gia đình anh L thì do một mình S thực hiện, không liên quan đến chị T. Đồng thời, chị T là người đứng tên tài khoản số 5229205230818 tại ngân hàng A1, nhưng S là người quản lý, sử dụng số tài khoản này nên việc L1 chuyển tiền cầm cố xe cho S vào số tài khoản này thì chị T không biết và không sử dụng số tiền này. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không đề cập xử lý đối với chị T là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Tuấn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn S phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tuấn S 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 13/7/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Tuấn S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Lê Tiến L và bà Nguyễn Thị T1 số tiền 146.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Tuấn S phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*)

án phí hình sự sơ thẩm và 7.300.000 đồng (*Bảy triệu, ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ánh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với phần quyết định của bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Mạnh L1 và ông Dương Thành T2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với phần quyết định của bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- THADS huyện C;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- UBND xã D;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ QUỐC ĐỊNH